

QUAN NIỆM VỀ TỪ THIỆN XÃ HỘI CỦA CÔNG GIÁO

Trần Thị Thu Hiền (*)

Trên cơ sở của đức bác ái và là biểu hiện sinh động của đức ái trong thực tiễn đời sống, hoạt động từ thiện nhân đạo của Công giáo không chỉ là tôn chỉ đời sống đạo của nhiều dòng tu, hội đoàn, mà đó còn là một nét đẹp đạo đức, một hạt nhân tích cực trong giáo lí của tôn giáo này.

Quan niệm trong Kinh Thánh

Có thể khẳng định, ngay từ sơ khai, Công giáo đã đề cao hoạt động từ thiện xã hội. Hoạt động từ thiện xã hội của Công giáo dựa trên cơ sở Thánh Kinh và Thần học Công giáo về lòng bác ái.

Theo *Đại từ điển tiếng Việt* ⁽¹⁾, “bác ái” có nghĩa là rộng lòng thương yêu. Còn theo *Từ điển Công giáo phổ thông*, “bác ái” (Agapê) là hình thức yêu thương điển hình nhất của Kitô giáo. Đức Kitô đã dùng từ này để mô tả tình yêu giữa Ba ngôi Thiên chúa. Đó cũng là tình yêu Người truyền cho các môn đệ phải dành cho nhau (Ga. 13, 34-35). Tình yêu này hoàn toàn vị tha, không vụ lợi mà chỉ mưu cầu lợi ích cho người khác hay biết chia sẻ với người khác.

Nếu dùng như một danh từ riêng, “Agapê” muốn ám chỉ bữa tiệc mệnh danh là bữa tiệc yêu thương mà Hội Thánh sơ khai thường hay tổ chức (Ga. 11, 20-22, 33-34). Ban đầu, những bữa tiệc này thường được tổ chức chung với Phụng vụ Thánh thể, nhưng dần dần được tách ra khỏi Thánh lễ vì có những lộn xộn và gương xấu do bữa tiệc ấy gây ra. Công đồng Carthago (397) đã thông qua đạo luật bãi bỏ bữa tiệc Agapê, và khoảng thế kỉ VIII tập tục này hoàn toàn biến mất. Nhưng kể từ sau Công đồng Vatican II, Hội Thánh đã khuyến khích tổ chức bữa tiệc “Agapê” trong một giới hạn nào đó.

Theo nguyên ngữ tiếng Latinh, từ “Caritas” có nghĩa là bác ái, là tình thương quảng đại hay hoạt động từ thiện⁽²⁾. Như vậy, hoạt động từ thiện xã hội của Công giáo chính là bác ái và được xuất phát từ lòng bác ái, yêu thương bao la.

Kinh Thánh đặc biệt nhấn mạnh và khuyến khích tín đồ làm việc thiện, cứu giúp người nghèo khổ, bệnh tật trên cơ sở đề cao tình yêu thương, bác ái. Đức ái Kitô giáo có nội hàm rất rộng, không chỉ là tình yêu thương giữa con

*. ThS., Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

¹. Nguyễn Như Ý (chủ biên). *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, H., 1999, tr. 79.

². www.caritasvn.org, *Cẩm nang Caritas*.

người với Thiên Chúa và giữa con người với nhau, mà nó còn bao gồm cả tình yêu bản thân và tình yêu thiên nhiên. Nhưng trên tất cả là tình yêu Thiên Chúa và tình yêu tha nhân “mến Chúa yêu người”. 10 điều răn của Chúa nhằm quy định và điều chỉnh hành vi của tín đồ cũng chỉ quy về mục đích đòi hỏi tín đồ phải coi sự kính yêu Đức Chúa Trời là tình cảm thiêng liêng nhất và tiếp theo phải yêu quý người khác như chính bản thân mình.

Theo Kinh Thánh, Thiên Chúa đã coi con người và vũ trụ là đối tượng tình yêu của Người, ban cho con người khả năng yêu thương và mời gọi họ giúp đỡ nhau (x. St. 1, 28). Tình yêu của Thiên Chúa đối với con người chính là tình yêu cứu độ “Thiên Chúa yêu thế gian, đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, được sống muôn đời” (Ga. 3, 16). Cũng như con người, thiên nhiên là tạo vật của Thiên Chúa. Do đó, yêu Thiên Chúa, không thể không yêu tạo vật của Thiên Chúa; yêu Thiên Chúa, tín đồ cũng phải yêu thiên nhiên, đối xử hài hòa, tôn trọng môi trường tự nhiên quanh mình.

Đức ái trong Kitô giáo sâu sắc và độc đáo còn bởi Đức Giêsu chính là Thiên Chúa tình yêu nhập thể. Không một vị cha tâm linh nào có thể sánh được với Đức Giêsu, bởi vì Đức Giêsu không chỉ thuần túy thuyết giáo về tình yêu Thiên Chúa như họ, mà chính bản thân Người là tình yêu và là con Thiên Chúa. Người đã tìm đến với con người, đã yêu thương con người và đã chết cho con người, ngay cả khi con người còn đang thù địch với Thiên Chúa (x. Rm. 5, 6-8). Tám bánh trong Bữa tiệc biệt li được Chúa Giêsu bẻ ra chia cho môn đệ thể hiện sự chia sẻ, đó chính là biểu tượng “mình Chúa” đã hi sinh cho loài người, là tình yêu cao cả nhất Người dành cho nhân loại. Tình yêu thương của Đức Kitô là thứ tình yêu dâng hiến, tự nguyện, tôn trọng sự tự do, chấp nhận sự khác biệt giữa mình với đối tượng được yêu thương. Tình yêu ấy không thể hiện sự thương hại, kể cả của bề trên. Với tình yêu nhập thể cứu đời, Đức Giêsu đã từ bỏ thiên tính của mình, đồng thời đem lại cho con người sự viên mãn, giúp họ thành nhân mà không làm mất đi tự do, bản tính con người của họ: “Thiên Chúa đã làm người để cho con người trở nên Thiên Chúa”.

Tình yêu của Thiên Chúa không trói buộc con người, không biến con người thành nô lệ của Chúa, mà chỉ đường dẫn lối cho họ, khuyên họ đem tình yêu ấy đến với mọi người. Tình yêu thương của Người không bó hẹp, mà mở rộng cho toàn nhân loại. Đức Giêsu không chỉ yêu thương con người, mà còn khuyên con người phải noi theo gương Người, yêu thương người khác: “Người phải yêu người thân cận như chính mình” (x. Mt. 22:39) và “anh em

hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em.”(x. Ga. 14, 34-35). Không chỉ đòi hỏi môn đệ biết yêu thương những người thân cận, yêu thương anh em chiến hữu, tình yêu Kitô giáo đòi hỏi con người phải yêu thương ngay cả kẻ thù của mình: “Anh em đã nghe luật dạy rằng: Hãy yêu đồng loại và hãy ghét kẻ thù. Còn Thầy, Thầy bảo anh em: Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi anh em” (Mt. 5, 43-48).

Thứ tự trong tình yêu tha nhân được xác định theo nhu cầu của mọi người và quan hệ của họ đối với ta. Nhu cầu được phân loại từ cao đến thấp: thiêng liêng, tối cần, cần và bình thường. Nếu nhu cầu của người khác là thiêng liêng thì buộc ta phải cứu giúp cho dù có thể nguy hiểm đến tính mạng. Nếu nhu cầu ấy tối cần thiết, thì ta nên cứu giúp cho dù có gặp nhiều bất tiện, tuy nhiên cũng không nhất thiết phải hi sinh tính mạng. Còn khi người khác có nhu cầu ở mức độ cần, thì ta nên giúp đỡ hết sức vì đó là sự đòi hỏi của chuẩn mực đạo đức và công bằng xã hội. Ở mức độ nhu cầu bình thường, thì ta không nhất thiết phải giúp đỡ tất cả mọi trường hợp.

Cơ sở thứ hai để ta quyết định có giúp đỡ người khác hay không đó là dựa trên quan hệ của họ đối với ta. Công giáo cho rằng quan hệ huyết thống là nền tảng cho những quan hệ khác, nên bà con gần là đối tượng phải được ưu tiên trước hết. Thứ tự bác ái cần ưu tiên là: vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh chị em, họ hàng, ân nhân, bạn bè và người quen. Nếu là nhu cầu tối cần, thì phải ưu tiên cho cha mẹ vì đây là những người đã có công sinh thành và nuôi dưỡng ta.

Tình yêu và lòng bác ái trong quan niệm của Kitô giáo là tình yêu vô tư, chân thành, hoàn toàn mang tính chất phục vụ nhân loại: “Ai muốn làm thủ lĩnh trong dân chúng thì phải hầu hạ dân chúng, vì chưng Chúa Giêsu không đến để được hầu hạ mà là để hầu hạ” (Lc. 10, 44). Kitô giáo đòi hỏi mỗi tín đồ Kitô phải sẵn sàng, tự nguyện yêu thương, giúp đỡ thậm chí ngay cả kẻ thù của mình mà không bao giờ mong được đền đáp lại: “Nếu anh em cho vay mà hi vọng đòi lại được, thì còn gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để được trả lại sòng phẳng. Trái lại anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho vay mà chẳng hề hi vọng được đền trả” (Lc. 6, 34-35). Tính chất chân thành, không vụ lợi, khước từ sự đền ơn đáp nghĩa trong đức ái Kitô giáo không chỉ là đặc trưng riêng của tôn giáo này mà còn là đặc tính chung của tình yêu tôn giáo: vị tha, tự giác, từ bi, hỉ xả, thương người như thể thương thân, v.v...

Yêu mến Thiên Chúa và yêu mến tha nhân đồng nhất với nhau bởi yêu con người chính là dấu chỉ để kiểm nghiệm tình yêu Thiên Chúa. Khi tín đồ Kitô giáo theo lời Chúa dạy thương yêu, giúp đỡ mọi người thì đấy chính là hành động yêu mến Thiên Chúa, qua hành động ấy con người đã thực hiện sự tôn thờ Thiên Chúa của họ: “Ai không yêu thương thì không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu”, “Ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa và Thiên Chúa ở lại trong người ấy” (Ga. 4, 8-16). Kitô giáo quan niệm như vậy bởi vì theo Kinh Thánh, Đức Giêsu đã đồng nhất mình với người nghèo hèn nhất trong xã hội, do vậy thương yêu, giúp đỡ người nghèo chính là yêu thương, giúp đỡ Chúa: “Mỗi lần anh em làm như thế cho một người bé nhỏ nhất là anh em đã làm cho chính Thầy” (x. Mt. 25, 34-40).

“Mến Chúa, yêu Người” đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giáo lý Kitô giáo, nhưng cao hơn nữa Kitô giáo đòi hỏi tình yêu mến ấy phải được thể hiện bằng hành động cụ thể: “Hỡi các con nhỏ, ta đừng yêu nhau bằng đầu môi chót lưỡi mà hãy yêu nhau bằng việc làm và bằng sự thật” (Lc. 3, 18).

Về hoạt động từ thiện, Kinh Thánh cho rằng, trong mọi hành động của con người, thì hành động từ thiện, bác ái xã hội được coi trọng hơn cả lễ tế (Ha. 4, 2; 6, 6). Nếu chỉ quan tâm đến các nghi lễ tôn giáo được cử hành trọng thể trong các nhà thờ, mà quên chia sẻ tình yêu bác ái một cách cụ thể với những người xung quanh ta, thì những lễ tế ấy không có giá trị gì. Sở dĩ, điều làm cho lễ tế của Đức Kitô trên cây Thập giá có giá trị vĩnh viễn, trở thành lễ tế tình yêu chính là sự chia sẻ, hi sinh vì nhân loại của Chúa Giêsu.

Làm điều thiện, giúp đỡ mọi người là một cách thể hiện sống động đức tin Công giáo, biến đức tin đó trở thành hiện thực. Tình yêu thương theo Kinh Thánh không chỉ là tình yêu lý thuyết, trong tâm tưởng và suy nghĩ, mà nó còn phải được biểu hiện cụ thể bằng những hành động từ thiện tốt đẹp. Tín đồ Công giáo không chỉ thuộc lòng những điều Thiên Chúa răn dạy về đức ái như yêu thương Thiên Chúa, yêu thương bản thân, yêu thương thiên nhiên và yêu thương người khác, mà trước hết và trên hết họ phải nhiệt tâm thể hiện lòng yêu thương ấy bằng việc “cho kẻ đói ăn, cho kẻ khát uống”, cứu giúp những con người bất hạnh.

Theo Kinh Thánh, bên cạnh việc giữ các điều răn, thì muốn đi lên Thiên Đường, con người phải biết làm phúc, như Chúa Giêsu đã dạy một thanh niên có nhiều của cải: “Nếu anh muốn hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời” (Mt. 19, 22). Trong “*Bài giảng trên núi*” (Tân ước), Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ cách

làm từ thiện, đó là phải kín đáo, không phô trương khi bố thí cho người khác. Việc từ thiện phải xuất phát từ “cái tâm”, không nhằm mục đích khoe khoang lấy tiếng: “Khi làm việc lành phúc đức, anh em phải coi chừng, chớ có phô trương cho thiên hạ thấy... Khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, để việc anh bố thí được kín đáo” [Mt. 6, 1-4].

Những việc làm từ thiện, bố thí của Chúa Giêsu rất đa dạng và phong phú, từ việc cứu chữa cho người bệnh tật, đến việc thương xót dân chúng lâm than, hay việc cứu vớt linh hồn những kẻ tội lỗi... Kinh Tân ước nhắc đến việc Chúa Giêsu hết lòng cứu chữa cho các bệnh nhân mắc các căn bệnh hiểm nghèo như: người bị phong hủi lành lặn như cũ (Mt. 8, 1), chữa khỏi bệnh cho đầy tớ của một đại đội trưởng (Mt. 8, 5), chữa cho người bị bệnh bại liệt đi lại được (Mt. 9, 1), chữa cho người đàn bà bị băng huyết và con gái một vị thủ lĩnh sống lại (Mt. 9, 18), v.v... Rồi, dùng bữa với những người thu thuế và những kẻ tội lỗi, bởi vì “Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi” (Mt. 9, 13); Chạnh lòng thương đám đông lâm than vất vưởng, không có gì ăn, “để họ nhịn đói mà về, sợ rằng họ bị xiú dọc đường”, nên đã hóa bánh cho họ ăn đỡ đói (Mt. 16, 32), v.v...

Đức tin ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động bác ái của tín đồ Công giáo. Hành động yêu thương, giúp đỡ người khác chỉ có thể đạt hiệu quả cao nếu nó được xây dựng trên nền tảng đức tin sâu sắc. Nhờ có đức tin vào Thiên Chúa Ba ngôi, mà con người tích cực biến tình yêu của mình thành hành động cứu giúp người nghèo khổ, bất hạnh. Các tu sĩ không quản ngại khó khăn, vất vả, sẵn sàng hi sinh cả cuộc đời mình để giúp đỡ những bệnh nhân mắc các căn bệnh hiểm nghèo như HIV/AIDS, phong cùi mà đến ngay cả người thân trong gia đình cũng xa lánh, hắt hủi, chỉ vì họ có đức tin sâu sắc rằng họ đang làm những việc thiện đó cho chính Đức Chúa của họ. Đức tin đã thúc đẩy tín đồ Công giáo tích cực dấn thân phục vụ, thần thánh hoá các hoạt động từ thiện, do đó nâng cao hiệu quả và quy mô của hoạt động này hơn rất nhiều.

Qua việc yêu thương giúp đỡ người khác, tín đồ Công giáo không chỉ tự củng cố được đức tin của mình và tình yêu của mình đối với Thiên Chúa, mà còn giúp cho những người nghèo khổ tin vào Chúa, đến với Chúa. Những người nghèo khổ đã cảm nhận được tình yêu thương của Chúa qua hành động giúp đỡ của các tín đồ. Đây là một trong những phương cách truyền đạo hữu hiệu của Giáo hội Công giáo, loan báo Tin mừng đến những người nghèo khổ, qua việc giúp đỡ họ để khuyến khích họ tin theo Chúa nhằm “mở mang nước Chúa”... Vì vậy, khi tín đồ Công giáo thực thi hoạt động từ thiện

xã hội chính là họ đang tiến hành truyền giáo, thông qua hoạt động từ thiện để tranh thủ thiện cảm và dấy lên lòng tin yêu vào Đức Chúa và tôn giáo mà họ tôn thờ trong lòng những người chưa có đức tin vào tôn giáo này.

Điều này thể hiện rõ trong Kinh Thánh. Kinh Tân ước cũng nhắc đến việc Chúa Giêsu thu nạp môn đệ sau khi làm việc thiện cho những người ốm đau, nghèo khổ. Sau khi thu nhận bốn môn đệ đầu tiên, ông đã đi khắp miền Galilê giảng đạo, chữa bệnh. “Thiên hạ đem đến cho Người mọi kẻ ốm đau, mắc đủ thứ bệnh hoạn tật nguyên: những kẻ bị quỷ ám, kinh phong, bại liệt và Người đã chữa cho họ. Từ miền Galilê, vùng Thập Tỉnh, Thành Giêrusalem, miền Giudê và vùng bên kia sông Giordan, đám đông lũ lượt kéo đến đi theo Người” (Mt. 4, 25).

Trong cuộc trao đổi với linh mục Frei Betto, Chủ tịch Cuba Fidel Castro đã đánh giá cao những điểm tích cực, tương đồng trong Kinh Thánh và tư tưởng xã hội chủ nghĩa, trong đó ông đặc biệt nhấn mạnh đến tính chất công bằng, nhân ái, yêu thương người cùng khổ trong giáo lí của tôn giáo này. Ông nói: “Tôi biết khá nhiều về những nguyên tắc Kitô giáo và về giáo huấn của Đức Kitô. Tôi có quan niệm rằng Đức Kitô là một nhà cách mạng vĩ đại. Tôi vẫn quan niệm như thế. Ngài là một con người đã đem tất cả giáo lí để phục vụ những người bình thường nghèo khổ, để chống lại những lạm dụng, chống lại những bất công, chống lại sự lãng nhệch con người. Tôi có thể nói rằng giữa tinh thần, giữa cái tinh túy của giáo lí của Ngài và chủ nghĩa xã hội có nhiều điểm chung lắm”⁽³⁾.

Quan điểm của Giáo hội Công giáo

Quan điểm của Giáo hội Công giáo hoàn vũ

Giáo hội Công giáo hoàn vũ rất chú trọng đến hoạt động từ thiện, bác ái xã hội để góp phần xây dựng một xã hội nhân ái và công bằng, trong đó người nghèo được tôn trọng và bảo đảm quyền lợi cả về vật chất lẫn tinh thần.

Trước Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo đã tích cực tham gia vào các công việc từ thiện. Nhưng, thực chất, Giáo hội Công giáo chỉ chú trọng đến hoạt động cứu trợ, an ủi, hơn là tham gia trực tiếp và tích cực vào công cuộc xây dựng một xã hội công bằng và nhân ái. Tuy vẫn rao giảng những nguyên tắc xây dựng một xã hội công bằng và nhân ái, nhưng Giáo hội Công giáo coi nhiệm vụ xây dựng xã hội trần thế thuộc về thế quyền.

³ . Fidel Castro và tôn giáo - Những cuộc trao đổi với linh mục Frei Betto, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, tr. 2.

Song, với tinh thần canh tân đổi mới, nhập thế, Giáo hội Công giáo xác định đức bác ái nếu không có sự dẫn thân chính trị rõ rệt và triệt để, thì cũng chỉ là “những cái hồn không xác”⁽⁴⁾. Công đồng Vatican II thực sự trở thành một cuộc cách mạng của Giáo hội Công giáo, đã thổi một luồng sinh khí mới cho Giáo hội Công giáo đương thời có phần trì trệ, bảo thủ. Công đồng đã thông qua 4 Hiến chế, 9 Sắc lệnh và 3 Tuyên ngôn với nội dung bao hàm những điểm cải tiến, đổi mới trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Đặc biệt, Công đồng kêu gọi Giáo hội hoà hợp với toàn thể nhân loại tích cực tham gia vào xây dựng xã hội trần thế, nhất là bảo vệ quyền lợi và giúp đỡ những người nghèo khổ thông qua các hoạt động bác ái xã hội.

Theo Giáo hội Công giáo, cho dù xã hội có đạt đến sự tiến bộ như thế nào chẳng nữa, thì vẫn rất cần có đức ái. Cho dù đa phần dân số trong xã hội có no đủ, thừa thãi về vật chất lẫn tinh thần, thì vẫn còn đó một bộ phận những con người bần cùng, bất hạnh, nghèo đói và bệnh tật. Vì vậy, Đức Giáo hoàng Lêô XIII trong Thông điệp Rerum Novarum (Tân Sự) đã nhắc nhở: nếu đặt vấn đề việc sử dụng của cải cốt tủy thì Giáo hội trả lời ngay không ngần ngại: là con người không được giữ những của cải thặng dư như của tư riêng mà là của chung, do đó con người cần sẵn sàng chia sẻ để đáp ứng nhu cầu của người khác⁽⁵⁾.

Giáo hội cho rằng, thực thi hoạt động bác ái chính là trách nhiệm của mỗi tín đồ Kitô giáo. Hội Thánh có 3 nhiệm vụ căn bản: loan báo lời Chúa, cử hành các bí tích và thi hành tác vụ bác ái. Hoạt động từ thiện xã hội chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng không chỉ của mỗi cá nhân tín đồ Công giáo, mà còn của Giáo hội Công giáo. Giáo hội không thể thờ ơ với hoạt động từ thiện, bởi bác ái, từ thiện chính là một hành vi tôn thờ Chúa, và cũng chính là một phương thức để loan báo tin mừng.

Vì vậy, trên thế giới đã có rất nhiều chức sắc, tín đồ, dòng tu, hội đoàn, v.v... dẫn thân vào con đường từ thiện nhân đạo để cải thiện điều kiện sống cho những người nghèo khổ. Chính tấm lòng nhân ái, lối sống khiêm hạ, tận tình săn sóc, phục vụ những con người hèn mọn, ốm đau mà mẹ Têrêsa và Hội dòng Thừa sai Bác ái do mẹ sáng lập đã được cả những người Công giáo lẫn những người không Công giáo cùng khâm phục và ngưỡng mộ.

Quan điểm của Giáo hội Công giáo Việt Nam

⁴ . Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, *Cỏ dại ven đường*, Phần 2, tr. 341. - Thiện Cẩm

⁵ . Jean Vieu Jean. *Như thế thương thân*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 257.

Giáo hội Công giáo Việt Nam trải qua nhiều biến cố thăng trầm, song hành cùng lịch sử dân tộc. Sau cuộc di cư vào Nam năm 1954, các giáo phận miền Trung và Miền Nam có sự gia tăng, trưởng thành không chỉ về số lượng các linh mục, tu sĩ, tín đồ mà cả về số cơ sở từ thiện bác ái xã hội cũng như tinh thần đạo đức Kitô giáo “mến Chúa yêu người”.

Tinh thần canh tân, nhập thế của Công đồng Vatican II đã tác động sâu sắc đến đường hướng hành đạo của Giáo hội Công giáo Việt Nam, đặc biệt là ở Miền Nam. Nhiều chức sắc Công giáo đã tham gia vào phong trào Công giáo tiến bộ để nghiên cứu, học hỏi và phổ biến tinh thần Công đồng Vatican II như nhóm “Sống Đạo” với các linh mục Nguyễn Huy Lịch, Trương Bá Cần, Nguyễn Ngọc Lan, v.v... Hàng giáo phẩm và đội ngũ trí thức Công giáo miền Nam tiến bộ đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tinh thần Vatican II, canh tân đổi mới Giáo hội Công giáo miền Nam thông qua việc khuyến khích nếp sống đạo bác ái, yêu thương và công bình để giải trừ chiến tranh. Các Giám mục Miền Nam đã ứng dụng tinh thần đối thoại, cởi mở và canh tân của Công đồng Vatican II bằng cách xây dựng một Giáo hội Nhập thế mẫu nhiệm trong thế giới ngày nay, tích cực vận động kêu gọi hòa bình, đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, hàng giáo phẩm Công giáo miền Nam chỉ mới dừng lại ở lời nói đường hướng kêu gọi hòa bình bác ái từ đạo đức Kitô giáo, chứ chưa mạnh dạn dẫn thân vào trào lưu giải phóng thống nhất đất nước. Công giáo Miền Nam vẫn có thái độ dè dặt với những người cộng sản, thể hiện trong nội dung cảnh tỉnh giáo dân về ý thức hệ vô thần trong *Thư mục vụ* năm 1973. Tuy làn gió mới Công đồng Vatican II chưa làm thay đổi lối sống đạo và nhân quan chính trị cho toàn bộ tín đồ Công giáo Miền Nam, nhưng các phong trào của trí thức, linh mục cấp tiến trước giải phóng đã tác động lớn đến sự hòa nhập, tái thiết giữa Công giáo với chế độ mới sau này và ảnh hưởng mạnh mẽ đến xu hướng thế tục hóa của Công giáo miền Nam. Tinh thần canh tân, đổi mới của Giáo hội hoàn vũ đã phần nào thúc đẩy Giáo hội Công giáo Việt Nam tích cực dẫn thân vào các hoạt động xã hội, nhất là tham gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và từ thiện nhân đạo. Vào những năm 1960, sau khi hàng giáo phẩm Việt Nam được thành lập, Giáo hội Công giáo Việt Nam có 93 trường trung học với 60.412 học sinh, 1.122 trường tiểu học với 234.749 học sinh, 58 cô nhi viện nuôi dưỡng 6.616 trẻ, 48 bệnh viện với 6.453 giường bệnh, 35 viện dưỡng lão với 244 người, 8

trại phong với 3.465 bệnh nhân và 159 phòng phát thuốc cho khoảng 1.870.073 lượt người⁽⁶⁾.

Sau năm 1975, Giáo hội Công giáo Việt Nam bước vào một thời kì mới. Nhiều cơ sở giáo dục, y tế, từ thiện xã hội của Giáo hội Công giáo đã chuyển sang sở hữu nhà nước, bàn giao cho chính quyền mới. Lúc này, các tu sĩ, linh mục tập trung vào học hỏi và giảng dạy giáo lí, âm thầm thể hiện đức ái, đức tin trong đời sống tu trì khiêm tốn. Suốt từ năm 1975 đến năm 1980, cộng đồng Dân Chúa ở Miền Nam, đặc biệt là ở Giáo phận Sài Gòn, dưới sự dẫn dắt của Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình, đã cố gắng thích nghi theo tư duy đối thoại, hợp tác và phục vụ lợi ích của đồng bào, dân tộc. Ngay từ ngày đầu giải phóng đất nước (5/5/1975), Tổng Giám mục đã kêu gọi cộng đồng giáo dân hòa hợp dân tộc, cùng xây dựng và kiến thiết đất nước dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Cách mạng lâm thời. Được sự ủng hộ, khuyến khích của Tổng Giám mục, hai nhóm “Canh tân và Hòa giải” và “Liên tu sĩ” đã quy tụ rộng rãi đội ngũ trí thức, linh mục Công giáo cấp tiến, tạo nên tiền đề cho sự hòa nhập thật sự của những người Công giáo với những người Cộng sản trong con đường hòa giải và hòa bình. Mặc dù vậy, đối với Giáo hội Công giáo Việt Nam, đây vẫn là một thời kì dò dẫm thích nghi đầy suy tư và trăn trở.

Năm 1980, một sự kiện lịch sử quan trọng đã diễn ra với cộng đồng Kitô giáo Việt Nam. Đại hội đồng Giám mục Việt Nam đầu tiên họp tại thủ đô Hà Nội. Hội đồng đã ra Thư chung 1980 khẳng định đường hướng mục vụ: “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”. Giáo hội Công giáo Việt Nam kêu gọi người Công giáo coi hoạt động bác ái xã hội là một trong những phương cách thể hiện “sự đồng cảm, chia sẻ hi vọng và lo âu của dân tộc” và mỗi người Công giáo “khắc phục các khó khăn và các xu hướng cá nhân ích kỉ, nêu cao tinh thần phục vụ của bác ái phổ quát, hướng tới cảnh Trời mới đất mới, trong đó tất cả đều hoà hợp hạnh phúc”⁽⁷⁾.

Năm đầu tiên của thế kỉ XXI, trong *Thư chung 2001*, Hội đồng giám mục Việt Nam đã tổng kết lại 21 năm kể từ ngày Giáo hội Công giáo Việt Nam thực hiện đường hướng hành đạo “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc”. Giáo hội đánh giá cao sự có mặt của giáo dân trong mọi lĩnh vực mà xã hội cho phép, và sự dấn thân phục vụ trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, v.v...

⁶. *Niên giám Công giáo Việt Nam năm 2005*, tr. 200.

⁷. *Thư chung 1980*, Hội đồng Giám mục Việt Nam.

đặc biệt đối với người nghèo khổ và bệnh tật của đội ngũ linh mục và nam, nữ tu sĩ⁽⁸⁾.

Đồng thời, Hội Thánh ý thức sứ mạng của mình trong tình hình mới hiện nay là tiếp tục tham gia tích cực xây dựng và phát triển đất nước:

“Để yêu thương và phục vụ, trước hết ta phải tiếp tục đường hướng đồng hành với dân tộc, đồng cảm, chia sẻ hy vọng và lo âu của dân tộc trong tiến trình phát triển xã hội và thăng tiến con người. Ta không nhìn những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục như những kẻ đứng ngoài cuộc, nhưng nhận đó là những vấn đề của ta và chủ động góp phần giải quyết, hầu cho mọi người được sống và sống dồi dào. Ta không thể thờ ơ với những chương trình phát triển cũng như tình trạng nghèo đói và những tệ nạn xã hội, bởi vì ta là thành viên của cộng đồng dân tộc với tất cả quyền lợi và nghĩa vụ”⁽⁹⁾.

Giáo hội Công giáo Việt Nam chủ động kêu gọi giáo dân quan tâm đến những nhóm đối tượng yếu thế, cần sự trợ giúp. Đó là những người nghèo cả về phương diện của cải vật chất lẫn phương diện kiến thức, phẩm giá. Theo Giáo hội Công giáo Việt Nam, không nên coi người nghèo là đối tượng của việc làm từ thiện, mà cần tôn trọng và lắng nghe họ. Đó là những người dân di cư, bơ vơ nơi đất khách quê người. Các giáo xứ địa phương cần quan tâm và giúp đỡ họ. Đó là cộng đồng dân tộc thiểu số cư trú tại những khu vực vùng sâu vùng xa hẻo lánh của Tổ quốc. Cần phải yêu quý, tôn trọng và bảo vệ quyền lợi cho họ.

Rất nhiều vị Giám mục của Giáo hội Công giáo Việt Nam quan tâm đặc biệt đến hoạt động từ thiện xã hội. Cuộc đời phụng sự Thiên Chúa của nhiều vị giám mục đã đi liền với hoạt động từ thiện bác ái, yêu thương và phục vụ những con người nghèo khổ, bất hạnh trong xã hội. Đường hướng hành đạo của các vị đã trở thành những khẩu hiệu gắn liền với tên tuổi mỗi người: Giám mục Bartôlômêô Nguyễn Sơn Lâm: “Chân lí trong bác ái”; Giám mục Phaolô Nguyễn Bình Tĩnh: “Khiêm tốn phục vụ”; Giám mục Tôma Nguyễn Văn Tân: “Hành trình trong đức ái”; Giám mục Phaolô Nguyễn Thanh Hoan: “Tin mừng cho người nghèo khó”, v.v ...

Đóng góp của đồng bào Công giáo Việt Nam cho công tác từ thiện xã hội thật đáng trân trọng, với các hình thức, việc làm đa dạng từ việc hiến máu nhân đạo ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, nấu các nồi cháo từ thiện ở Bệnh viện U bướu (TP. Hồ Chí Minh) và Tu viện St. Marie (Hà Nội) đến việc cấp học bổng

⁸. *Thư chung 2001*, Hội đồng Giám mục Việt Nam.

⁹. *Thư chung 2001*, Hội đồng Giám mục Việt Nam.

cho học sinh, sinh viên ở Nam Định, Đà Nẵng, Hà Nội, v.v... Những hành động từ thiện xã hội của người Công giáo Việt Nam không chỉ thể hiện tinh thần “mến Chúa yêu người” của Kinh Thánh và quan điểm nhập thế của Giáo hội Công giáo, mà còn khẳng định trách nhiệm công dân và bổn phận dân Chúa của mỗi tín đồ Công giáo trong sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. /.